

Số: 48/TB-TTKN

Cần Thơ, ngày 04 tháng 02 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

(V/v hiệu chuẩn/ bảo trì/ kiểm định/ thử nghiệm thiết bị năm 2026)

**Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn/ bảo trì/ kiểm định/
thử nghiệm thiết bị tại Việt Nam**

Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ (viết tắt: Trung tâm) có nhu cầu tiếp nhận báo giá để lập dự toán cho gói thầu hiệu chuẩn/ bảo trì/ kiểm định/ thử nghiệm thiết bị năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin nhận báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ.

- Địa chỉ: số 399/9 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ.

- Số điện thoại: 02923 831030

- Email: hanhchinhquantri.kn.cantho@gmail.com

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến Phòng Hành chính quản trị - Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ, số 399/9 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ : Bản giấy báo giá (theo mẫu báo giá, có chữ ký và đóng dấu hợp pháp).

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 04/02/2026 đến hết...11..... giờ ngày 13/02/2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 13/02/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị hiệu chuẩn/ bảo trì/ kiểm định/ thử nghiệm: Phụ lục 1 (đính kèm) (Số lượng: 107 thiết bị)

2. Địa điểm cung cấp dịch vụ: tại Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ, số 399/9 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ.

3. Các thông tin bắt buộc:

- Các báo giá cần có đầy đủ thông tin: Tên nhà cung cấp, địa chỉ, mã số thuế, số điện thoại liên hệ, có chữ ký của người đại diện hợp pháp, đóng dấu của nhà cung cấp.

- Giá chào là đồng Việt Nam, giá đã trừ chiết khấu, đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí đi lại, thực hiện tại Trung tâm và các chi phí khác (nếu có).

- Hồ sơ gửi kèm theo báo giá;
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/kinh doanh;
- + Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn thiết bị theo hạng mục tương ứng;
- + Giấy chứng nhận ISO/IEC 17025:2017 và thiết bị yêu cầu hiệu chuẩn phải nằm trong danh mục phép hiệu chuẩn được công nhận;
- + Hồ sơ năng lực;
- + Hồ sơ năng lực nhà thầu phụ (nếu có);
- + Giấy chứng nhận đã qua đào tạo của kỹ thuật viên thực hiện hiệu chuẩn thiết bị để làm hồ sơ lưu,... được đóng dấu rõ ràng;
- + Cung cấp các liên kết chuẩn kèm theo giấy chứng nhận (sau khi thực hiện hiệu chuẩn);
- + Các tài liệu liên quan khác (nếu có) được đóng dấu rõ ràng.

Các nhà cung cấp gửi báo giá theo mẫu tại phụ lục 2 (đính kèm). Trường hợp nhà cung cấp không sử dụng đúng biểu mẫu báo giá của Trung tâm nhưng nội dung cung cấp đầy đủ, rõ ràng và đảm bảo các thông tin cần thiết theo yêu cầu thì vẫn được chấp nhận.

4. Báo giá phải gửi đúng và đầy đủ các nội dung yêu cầu báo giá tại khoản 1,2,3 Phần II.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc, các khoa/phòng;
- Phòng HCQT (Đăng trang web);
- Lưu VT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Liên Phương

DANH MỤC THIẾT BỊ HIỆU CHUẨN/ BẢO TRÌ/ KIỂM ĐỊNH/ THỬ NGHIỆM NĂM 2026

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 48/TB-TTKN ngày 04 tháng 01 năm 2026
của Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ)

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
1.	Cân phân tích METTLER PT AE160	01	X	X			+ Kiểm tra các mức tải + Kiểm tra tải trọng lệch tâm + Kiểm tra độ lặp lại, độ đúng + Kiểm tra độ trôi - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
2.	Cân phân tích AND HM-202	01	X	X			+ Kiểm tra các mức tải + Kiểm tra tải trọng lệch tâm + Kiểm tra độ lặp lại, độ đúng + Kiểm tra độ trôi - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
3.	Cân phân tích Precisa XB 220A	01	X	X			+ Kiểm tra các mức tải + Kiểm tra tải trọng lệch tâm + Kiểm tra độ lặp lại, độ đúng + Kiểm tra độ trôi - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
4.	Cân phân tích Ohaus Pioneer PA214	01	X	X			+ Kiểm tra các mức tải + Kiểm tra tải trọng lệch tâm + Kiểm tra độ lặp lại, độ đúng + Kiểm tra độ trôi - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
5.	Cân phân tích Sartorius Quintix 224-1S	04	X	X			+ Kiểm tra các mức tải + Kiểm tra tải trọng lệch tâm + Kiểm tra độ lặp lại, độ đúng + Kiểm tra độ trôi - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
6.	Cân phân tích Sartorius MSA 225S-100-DU	01	X	X			+ Kiểm tra các mức tải + Kiểm tra tải trọng lệch tâm + Kiểm tra độ lặp lại, độ đúng + Kiểm tra độ trôi - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
7.	Cân kỹ thuật DENVER S-403	01	X	X			+ Kiểm tra các mức tải + Kiểm tra tải trọng lệch tâm + Kiểm tra độ lặp lại, độ đúng + Kiểm tra độ trôi - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
8.	Cân đồng hồ lò xo Nhon Hòa	01			X		+ Kiểm tra tải trọng lệch tâm. + Kiểm tra độ lặp lại, độ đúng - Theo nhà cung cấp kiểm định
9.	Máy đo pH Mettler Toledo Sevencompact S220	01	X	X			+ Kiểm tra điện cực + Độ ổn định + Độ đúng + Độ chính xác - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
10	Máy đo pH Jenway 3520	01	X	X			+ Kiểm tra điện cực + Độ ổn định + Độ đúng + Độ chính xác - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
11	Máy chuẩn độ điện thế Metrohm 785DMP	01	X	X			+ Độ chính xác buret (ml): 10 + Hiệu suất điện cực: môi trường pH, môi trường khan, điện cực oxy hóa khử + Độ chính xác + Độ tuyến tính + Độ đúng - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
12	Máy chuẩn độ điện thế Mitsubishi GT-200	01	X	X			+ Độ chính xác buret (ml): 20 + Hiệu suất điện cực: môi trường pH, môi trường khan, điện cực oxy hóa khử + Độ chính xác + Độ tuyến tính + Độ đúng - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
13	Máy chuẩn độ Karl-fischer Metrohm 870 KF	01	X	X			+ Độ chính xác buret (ml): 10 + Độ chính xác + Độ tuyến tính + Độ đúng - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
14	Máy chuẩn độ Karl-fischer Mitsubishi KF-31	01	X	X			+ Độ chính xác buret (ml): 5 + Độ chính xác + Độ tuyến tính + Độ đúng - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
15	Máy đo năng suất quay cực Atago AP-300	01	X	X			+ Độ chính xác + Độ lặp lại máy + Độ chính xác nhiệt độ + Độ tuyến tính - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
16	Máy thử độ tan rã Erweka DZT	01	X	X			+ Độ chính xác thời gian (phút): 05, 15, 30, 60 + Kiểm tra nhiệt độ + Biên độ giao động (độ dài của 1 nhịp) + Tần suất giao động (chu kỳ/phút) - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
17	Máy đo độ hòa tan Erweka DT800	01	X	X			+ Độ cân bằng thiết bị + Tính hướng tâm + Độ sâu cánh khuấy, giỏ quay + Độ rung lắc thiết bị + Độ chính xác thời gian (phút): 30, 45, 60 + Độ chính xác tốc độ quay (vòng/phút): 50, 100, 150 + Kiểm tra nhiệt độ + Đánh giá hiệu năng - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
18	Máy đo độ hòa tan Electrolab EDT-08LX	01	X	X			+ Độ cân bằng thiết bị + Tính hướng tâm + Độ sâu của cánh khuấy, giỏ quay + Độ rung lắc thiết bị + Độ chính xác thời gian (phút): 30, 45, 60 + Độ chính xác tốc độ quay (vòng/phút): 50, 100, 150

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
							+ Kiểm tra nhiệt độ + Đánh giá hiệu năng - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
19	Máy đo độ hòa tan Erweka DT820	01	X	X			+ Độ cân bằng thiết bị + Tính hướng tâm + Độ sâu cánh khuấy, gió quay + Độ rung lắc thiết bị + Độ chính xác thời gian (phút): 30, 45, 60 + Độ chính xác tốc độ quay (vòng/phút): 50, 100, 150 + Kiểm tra nhiệt độ + Đánh giá hiệu năng - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
20	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến HITACHI U2900	01	X	X			+ Độ chính xác bước sóng + Độ chính xác hấp thụ + Giới hạn ánh sáng lạc + Độ nhiễu + Độ trôi đường nền + Độ phẳng đường nền + Độ phân giải + Kiểm tra cốc đo - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì

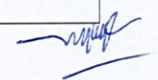
STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
21	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến SHIMADZU UV-1800	01	X	X			+ Độ chính xác bước sóng + Độ chính xác hấp thụ + Giới hạn ánh sáng lạc + Độ nhiễu + Độ trôi đường nền + Độ phẳng đường nền + Độ phân giải + Kiểm tra cốc đo - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
22	Máy quang phổ hồng ngoại Shimadzu FTIR 8300	01	X	X			+ Kiểm tra năng lượng phổ + Kiểm tra độ phân giải + Độ chính xác số sóng + Độ lặp lại số sóng - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
23	Máy quang phổ hồng ngoại Shimadzu IRAffinity 1S	01	X	X			+ Kiểm tra năng lượng phổ + Kiểm tra độ phân giải + Độ chính xác số sóng + Độ lặp lại số sóng - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
24	Máy quang phổ phát xạ Spectro Genesis	01		X			+ Kiểm tra thấu kính quang học, buồng quang học, buồng phun mẫu, kim phun, torch + Kiểm tra dây dẫn mẫu và dây thải mẫu + Kiểm tra vệ sinh vị trí torch, cuộn coil

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
							+ Làm ICAL + Chạy mẫu Optimize + Kiểm tra đường chuẩn - Theo nhà cung cấp bảo trì, bảo dưỡng
25	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HITACHI L-2000	01	X	X			+ Bơm: * Độ chính xác tốc độ dòng * Độ chính xác bộ trộn + Buồng cột: * Độ chính xác nhiệt độ * Độ ổn định nhiệt độ + Bộ tiêm mẫu: * Độ chính xác thể tích tiêm * Độ lặp lại thể tích tiêm * Độ lây nhiễm chéo * Độ tuyến tính thể tích tiêm + Kiểm tra đầu dò: * Độ chính xác bước song * Độ nhiễu - độ trôi + Hệ thống: * Độ lặp lại hệ thống * Độ tuyến tính hệ thống - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì



STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
26	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HITACHI PM L1000	01	X				+ Bơm: * Độ chính xác tốc độ dòng * Độ chính xác bộ trộn + Buồng cột: * Độ chính xác nhiệt độ * Độ ổn định nhiệt độ + Bộ tiêm mẫu: * Độ chính xác thể tích tiêm * Độ lặp lại thể tích tiêm * Độ lây nhiễm chéo * Độ tuyến tính thể tích tiêm + Kiểm tra đầu dò: * Độ chính xác bước song * Độ nhiễu - độ trôi + Hệ thống: * Độ lặp lại hệ thống * Độ tuyến tính hệ thống - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
27	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao SHIMADZU LC-20AD	08	X	X			+ Bơm: * Độ chính xác tốc độ dòng * Độ chính xác bộ trộn + Buồng cột:

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
							* Độ chính xác nhiệt độ * Độ ổn định nhiệt độ + Bộ tiêu mẫu: * Độ chính xác thể tích tiêu * Độ lặp lại thể tích tiêu * Độ lây nhiễm chéo * Độ tuyến tính thể tích tiêu + Kiểm tra đầu dò: * Độ chính xác bước song * Độ nhiễu - độ trôi + Hệ thống: * Độ lặp lại hệ thống * Độ tuyến tính hệ thống - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
28	Lò nung Nabertherm L5/P	01	X	X			+ Nhiệt độ (°C): 450, 600, 800 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
29	Lò nung Nabertherm LT15/11/B410	01	X	X			+ Nhiệt độ (°C): 450, 600, 800 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì



STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
30	Tủ sấy chân không EHRET VTS 70	01	X	X			+ Nhiệt độ (°C): 60, 85, 100, 105 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ + Kiểm tra áp suất tổng thể - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
31	Tủ sấy MEMMERT UM500	01	X	X			+ Nhiệt độ (°C): 105, 150 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
32	Tủ sấy MEMMERT UNB500	01	X	X			+ Nhiệt độ (°C): 170, 190 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
33	Tủ sấy MEMMERT UN55	01	X	X			+ Nhiệt độ (°C): 60, 85, 100, 105 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
34	Tủ ẩm lạnh MEMMERT IPP 110	01	X	X			+ Nhiệt độ (°C): 20, 25 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
35	Tủ ấm MEMMERT INB500	01	X	X			+ Nhiệt độ(°C): 30, 44 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
36	Tủ ấm MEMMERT IN110	01	X	X			+ Nhiệt độ (°C): 45 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
37	Tủ ấm MEMMERT IN 110	01	X	X			+ Nhiệt độ (°C): 30, 35 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
38	Nồi hấp tiệt trùng HIRAYAMA HICLAVE HV-50	01			X		- Kiểm định: + Van an toàn + Đồng hồ đo áp suất -Theo nhà cung cấp kiểm định
39	Nồi hấp tiệt trùng GETINGE VS130	01			X		- Kiểm định: + Van an toàn + Đồng hồ đo áp suất - Theo nhà cung cấp kiểm định

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
40	Máy đo độ dẫn điện Hach HQ14D	01	X	X			Độ dẫn điện ở nhiệt độ 25°C: 1,3μS/cm, 5μS/cm, 10μS/cm - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
41	Máy phá mẫu vi sóng Berghof Speedwave SW-E	01	X				+ Kiểm tra hoạt động bàn xoay; gia nhiệt khởi động. + Kiểm tra interlock switch + Kiểm tra khả năng gia nhiệt (warm-up Behavior) + Kiểm tra microwave leakage + Kiểm tra công suất đầu ra + Kiểm tra quạt + Kiểm tra độ chính xác nguồn IR ở nhiệt độ khoảng 205°C - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
42	Máy đo vòng vô khuẩn ANNO 2000	01	X	X			+ Độ chính xác của thước đo (0-40mm) - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
43	Tủ an toàn sinh học cấp II ESCO SC2-4E1	01		X		X	- Thử nghiệm: + Độ rò rỉ màng lọc + Hiệu suất lọc của màng HEPA + Kiểm tra hình thái dòng khí + Độ ồn + Tốc độ TB dòng khí qua cửa làm việc + Tốc độ TB dòng khí xuống bề mặt

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
							+ Cường độ ánh sáng TB + Cường độ ánh sáng tím + Đếm hạt 0,5 μ m và 5 μ m - Theo nhà cung cấp thử nghiệm, bảo trì
44	Tủ mát SANAKY	01	X	X			+ Nhiệt độ (°C): 10 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
45	Tủ lạnh Toshiba (GR-R21VPD/VUD)	01	X	X			+ Nhiệt độ (°C): 5 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
46	Tủ lạnh Toshiba	01	X	X			+ Nhiệt độ (°C): 5 (nấc 1) + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
47	Bể điều nhiệt MEMMERT WNB14	01	X	X			+ Nhiệt độ (°C): 60, 95 + Độ đồng đều nhiệt độ + Độ ổn định nhiệt độ - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì
48	Bể ủ nhiệt khô Stuart SHB130D/3	01	X	X			Nhiệt độ (°C): 35, 39 - Theo nhà cung cấp hiệu chuẩn, bảo trì

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
49	Nhiệt kế điện tử cầm tay Eti Therma1	01	X				Nhiệt độ (°C): 60, 85, 100, 105, 150
50	Nhiệt kế điện tử cầm tay Therma 1	01	X				Nhiệt độ (°C): 20, 25
51	Nhiệt kế điện tử cầm tay Therma 1	01	X				Nhiệt độ (°C): 30, 44
52	Nhiệt kế điện tử cầm tay Therma 1	01	X				Nhiệt độ (°C): 170, 190
53	Nhiệt kế điện tử cầm tay Eti Therma 1	01	X				Nhiệt độ (°C): 2; 8
54	Nhiệt kế điện tử cầm tay Eti Therma 1	01	X				Nhiệt độ (°C): 10; 45; 105, 150
55	Nhiệt kế thủy tinh số 4	01	X				Nhiệt độ (°C): 20
56	Nhiệt kế thủy tinh Assistant 110°C	01	X				Nhiệt độ (°C): 2, 8
57	Nhiệt kế thủy tinh Assistant 110°C	01	X				Nhiệt độ (°C): 20, 50

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
58	Nhiệt kế thủy tinh Amarell 200 ⁰ C	01	X				Nhiệt độ (°C): 60, 85, 100, 105, 150
59	Nhiệt kế thủy tinh Brannan 100 ⁰ C	01	X				Nhiệt độ (°C): 25, 36, 37, 38, 100
60	Nhiệt kế thủy tinh Brannan 100 ⁰ C	01	X				Nhiệt độ (°C): 20, 25, 95
61	Nhiệt kế thủy tinh Amarell 200 ⁰ C	01	X				Nhiệt độ (°C): 20, 95, 105
62	Nhiệt kế thủy tinh Brannan 100 ⁰ C	01	X				Nhiệt độ (°C): 20, 25, 36, 37, 38, 100
63	Nhiệt kế thủy tinh ISOLAB 100 ⁰ C	01	X				Nhiệt độ (°C): 2, 5, 8
64	Nhiệt kế thủy tinh số 344	01	X				Nhiệt độ (°C): 20
65	Nhiệt kế thủy tinh số 218	01	X				Nhiệt độ (°C): 20
66	Nhiệt ẩm kế tự ghi Elitech GSP-6	02	X				Nhiệt độ (°C): 20, 25, 30 Độ ẩm tương đối (%): 40, 60, 70

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
67	Nhiệt ẩm kế tự ghi Elitech GSP-6	06	X				Nhiệt độ (°C): 20, 25, 30 Độ ẩm tương đối (%): 40, 75
68	Nhiệt ẩm kế tự ghi Elitech GSP-6	01	X				Nhiệt độ (°C): 23, 25, 27 Độ ẩm tương đối (%): 40, 70
69	Dụng cụ đo độ ẩm và nhiệt độ không khí ASSISTANT 3360	01	X				Nhiệt độ (°C): 18, 30 Độ ẩm tương đối (%): 30, 75
70	Dụng cụ đo độ ẩm và nhiệt độ không khí Alla	01	X				Nhiệt độ (°C): 20, 30 Độ ẩm tương đối (%): 75
71	Dụng cụ đo độ ẩm và nhiệt độ không khí ALLA	02	X				Nhiệt độ (°C): 20, 30 Độ ẩm tương đối (%): 40, 75
72	Dụng cụ đo độ ẩm và nhiệt độ không khí ANYMETRE TH600B	01	X				Nhiệt độ (°C): 18, 26 Độ ẩm tương đối (%): 30, 60
73	Dụng cụ đo độ ẩm và nhiệt độ không khí Anymetre TH600B	08	X				Nhiệt độ (°C): 20, 30 Độ ẩm tương đối (%): 40, 75

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
74	Dụng cụ đo độ ẩm và nhiệt độ không khí Anymetre TH600B	01	X				Nhiệt độ (°C): 23, 27 Độ ẩm tương đối (%): 40, 70
75	Dụng cụ đo độ ẩm và nhiệt độ không khí Anymetre TH600B	01	X				Nhiệt độ (°C): 20, 30 Độ ẩm tương đối (%): 75
76	Dụng cụ đo độ ẩm và nhiệt độ không khí Anymetre TH-602F	01	X				Nhiệt độ (°C): 20, 30 Độ ẩm tương đối (%): 75
77	Quả cân chuẩn E2 (200g)	01	X				Sai lệch khối lượng
78	Bộ hiệu chuẩn độ hòa tan: - Bi (14 viên) - Nắp đo độ hướng tâm (DCJ1365: 01 nắp) - Thước cặp Baker (01 cái) - Thiết bị đo độ rung lắc baker J06 (01 cái), - Thiết bị đo độ rung lắc baker J40 (01 cái) - Thước đo độ cân	01	X				+ Độ chính xác + Độ lặp lại



STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
	băng DP/12-37 (01 cái), - Thiết bị đo nhiệt độ ST-9283z (01 cái) - Thước đo chiều sâu Labindia (01 cái) - Thiết bị đo tốc độ dòng quay Tachometer (01 cái) - Vòng hỗ trợ đo độ rung lắc (01 vòng)						
79	Tỷ trọng kế AMARELL H801624Hydro	01	X				Tỷ trọng ở nhiệt độ 20°C: 1,000 - 1,500 g/cm ³
80	Tủ cấy vô trùng SANYO MCV-13 BSF	01		X		X	- Thử nghiệm: + Độ rò rỉ màng lọc + Hiệu suất lọc của màng HEPA + Kiểm tra hình thái dòng khí + Tốc độ TB dòng khí qua cửa làm việc + Tốc độ TB dòng khí xuống bề mặt + Cường độ ánh sáng TB + Cường độ ánh sáng tím - Theo nhà cung cấp thử nghiệm, bảo trì

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
81	Kính hiển vi OLYMPUS CX31	01		X			- Bảo trì: + Kiểm tra độ phản hồi các nút bấm, phím xoay, bánh xe chỉnh tăng giảm nguồn sáng; các cửa chắn sáng, giảm sáng; cửa khẩu độ. + Kiểm tra các chức năng của hệ thống điều chỉnh tiêu cự soi; chức năng giá đỡ mẫu, kẹp mẫu; hệ thống trượt ngang, dọc và truyền động. + Kiểm tra độ sáng, rõ của hệ quang. + Vệ sinh các bộ phận: - Ống kính; - Hệ quang của vật kính; - Hốc đặt vật kính và các vật kính; - Bàn nâng, thước và bộ điều chỉnh thước; - Giá đỡ mẫu, kẹp mẫu; - Thước, hệ thống trượt; - Cửa khẩu độ, hệ thống điều chỉnh cửa, hệ thống nâng hạ cửa; - Hệ nâng ống kính nguồn sáng; - Board nguồn và hệ tăng cường nguồn sáng; - Hệ cơ nâng giá đỡ mẫu và hệ tinh chỉnh hội tụ, khóa; - Kính chắn sáng và nguồn phát sáng, bộ điều chỉnh ánh sáng và nguồn điện; - Bộ chỉnh hội tụ;

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (Cái)	HIỆU CHUẨN	BẢO TRÌ	KIỂM ĐỊNH	THỬ NGHIỆM	NỘI DUNG THỰC HIỆN
							+ Kiểm tra vệ sinh xung quanh thiết bị Theo nhà cung cấp bảo trì
82	Máy cất nước 1 lần Thermo A1015-B-61	02		X			- Bảo trì: + Kiểm tra độ phản hồi các phím bấm + Kiểm tra các chức năng của hệ thống + Vệ sinh xung quanh bề mặt thiết bị + Vệ sinh các van kết nối + Kiểm tra tình trạng và vệ sinh điện thanh đốt + Kiểm tra tình trạng và vệ sinh bầu đun + Ngâm vệ sinh hệ thống ngưng tụ + Kiểm tra tình trạng và vệ sinh các đầu dò + Kiểm tra, vệ sinh bo mạch, các kết nối, các role đóng ngắt + Lắp đặt vào hệ thống và kiểm tra lại các kết nối ống dẫn với nguồn cấp nước - Theo nhà cung cấp bảo trì

Tổng cộng: 107 thiết bị

Ghi chú: Các hóa chất, chất chuẩn, viên chuẩn để thực hiện hiệu chuẩn/ bảo trì/ kiểm định/ thử nghiệm nhà cung cấp chuẩn bị và tính phí thực tế sử dụng.

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ:.....
ĐỊA CHỈ:.....
SỐ ĐIỆN THOẠI:.....
MÃ SỐ THUẾ:.....



BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ
Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số 48 /TB-TTKN ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ, chúng tôi báo giá cho **Danh mục thiết bị hiệu chuẩn/ bảo trì/ kiểm định/ thử nghiệm năm 2026** như sau:

1. Báo giá, cụ thể:

A. Báo giá, tập 1								
STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Thuế suất (%)	Thành tiền (VNĐ)	Nội dung thực hiện	Ghi chú
1								
2								
n								
Giá hóa chất, chất chuẩn, viên chuẩn (nếu có)								
Chi phí đi lại (nếu có)								
Chi phí khác (nếu có)								
Giảm giá (nếu có)								
Tổng cộng chưa bao gồm thuế VAT (VNĐ)								
Thuế (VNĐ)								
TỔNG CỘNG ĐÃ BAO GỒM THUẾ VAT (VNĐ)								
Bằng chữ:.....								

2. Giá trên đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí đi lại, thực hiện tại Trung tâm và các chi phí khác (nếu có).
3. Báo giá này có hiệu lực tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 13/02/2026.
4. Chúng tôi cam kết:
- Về chất lượng sản phẩm của mình cung cấp.
 - Thực hiện cung cấp đầy đủ, đúng số lượng và đơn giá tất cả các mặt hàng theo báo giá mình cung cấp.
 - Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá trị của các tài sản nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm qui định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm 2026
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)